

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT

Ngày 26 - 6 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Châu Việt Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty K (trước đây là Công ty S). Trụ sở: Lô X, đường số Y, khu Công nghiệp Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1991; cư trú tại: Số M, đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2019, có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1974 (có mặt).

2. Bà Trần Thùy T, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty S (nay là Công ty K (sau đây gọi tắt là Công ty)) và ông Trần Văn Q có ký kết hợp đồng đại lý. Theo giao kết thì Công ty cung cấp hàng hóa là thức ăn thủy sản cho ông Trần Văn Q. Khi ông Q bán hết hàng thì liên hệ bằng điện thoại đặt hàng. Ông Q nhận hàng tại kho của Công ty - Chi nhánh Bạc Liêu, nhận hàng xong ông Q trả cho Công ty 50%, còn 50% nợ đến khi nhập hàng tiếp theo sẽ trả đủ. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 01/6/2008 đến ngày 11/02/2009, ông Q nhận 19 lần với tổng số hàng hóa quy ra thành tiền là 494.030.904 đồng. Ông Q đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 232.530.904 đồng. Còn nợ lại Công ty số tiền là 261.499.300 đồng. Nay Công ty yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Trần Thùy T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 261.499.300 đồng và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 11/3/2009 đến ngày 11/3/2018 là 211.814.433 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 473.313.733 đồng. Ngoài ra, Công ty không còn yêu cầu gì khác.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2018, ông Trần Văn Q và bà Trần Thùy T trình bày:

Trước đây giữa ông Q và Công ty S không có giao dịch làm ăn gì với nhau. Nhưng có lần Công ty S có đến nhà liên hệ mời ông Q làm đại lý cho Công ty và ông Q có đồng ý. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng thì giữa ông Q và Công ty S không có thực hiện. Vào thời điểm này ông có mua thức ăn hiệu FOCUS của anh Trương Minh T bán cho ông Q, còn việc cung cấp hóa đơn như thế nào thì ông Q không biết, ông Q mua thì anh T xuất hóa đơn còn ông Q có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh T, sau này ông Q mới biết anh T là nhân viên của Công ty S. Ông Q chỉ biết anh T cung cấp đủ hàng và ông Q thanh toán tiền cho anh T. Quá trình giao dịch giữa ông Q và anh T đã thanh toán dứt điểm và anh T đã giao hóa đơn thu tiền cho ông. Nay Công ty yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả số tiền 473.313.733 đồng thì ông Q không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh T: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng đều vắng mặt; căn cứ lời khai trước đây anh T xác định anh T là nhân viên của Công ty phụ trách bán hàng trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Khi đại lý bán hàng Trần Văn Q đặt hàng qua điện thoại hai bên giao nhận

hàng tại chi nhánh của Công ty ở Bạc Liêu. Khi ông Q nhận đủ hàng thì anh T đến thu 50% tiền hàng nộp về Công ty, cho ông Q nợ 50%, số tiền 50% còn lại khi nào nhận hàng kế tiếp sẽ thanh toán đủ. Quá trình giao dịch ông Q đã trả và anh T đã nhận tiền hàng là 201.769.000 đồng, ông Văn Quốc B nhận thay 30.000.000 đồng. Tổng số tiền đã nhận 232.530.904 đồng. Ông Q còn nợ 261.499.300 đồng.

Người làm chứng anh Huỳnh Văn H trình bày: Trước đây anh là nhân viên của Công ty S - Chi nhánh Bạc Liêu với nhiệm vụ thủ kho. Việc giao dịch giữa Công ty và ông Trần Văn Q cụ thể như thế nào thì anh H không được rõ. Nhiệm vụ của anh H là thủ kho, khi Phòng Kinh doanh xuất hóa đơn bán hàng thì chuyển qua bộ phận của anh H và anh H có nghĩa vụ xuất kho. Từ trước đến nay anh H cũng chưa từng gặp mặt ông Q và cũng không biết ông Trần Văn Q, chỉ nghe nói lại là đại lý Ba Q. Còn việc giao dịch giữa Công ty và ông Q cụ thể như thế nào thì anh H không biết.

Từ nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S (nay là Công ty K) yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Trần Thùy T trả số tiền 473.313.733 đồng (trong đó vốn 261.499.300 đồng và lãi 211.814.433 đồng).

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty S (nay là Công ty K) chịu số tiền 22.932.500 đồng. Công ty S (nay là Công ty K) đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 7.450.000 đồng theo Biên lai thu số 004105 ngày 21/12/2009 được đối trừ, số tiền án phí tiếp tục nộp 15.482.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, nguyên đơn Công ty K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi tính đến tháng 6/2019 là 485.452.201 đồng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty K; sửa phần án phí kinh doanh thương mại theo hướng buộc nguyên đơn phải chịu số tiền 22.932.500 đồng, không được đối trừ số tiền 7.450.000 đồng vì Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu đã hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Ngày 18/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/02/2019 nguyên đơn Công ty K kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy, kháng cáo của Công ty nằm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đại diện Công ty đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty K yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Người đại diện của nguyên đơn Công ty K cho rằng ông Q mua thức ăn thủy sản 19 lần với số tiền là 494.030.904 đồng nhưng ông Q mới thanh toán được 232.530.904 đồng, còn nợ lại 261.499.300 đồng; ông Q xác định đã thanh toán đủ tiền hàng cho anh T và xuất trình 19 Hóa đơn giá trị gia tăng có đóng dấu “đã thu tiền”.

[5] Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Trong vụ án này, Công ty K là người khởi kiện nên Công ty phải phải thu thập, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[6] Ông Q xác định không mua hàng Công ty mà chỉ mua hàng của cá nhân anh T và anh T tự chở hàng đến nhà. Công ty chỉ cung cấp 19 Hóa đơn giá trị gia tăng và trong quá trình xét xử sơ thẩm, Công ty không chứng minh được địa điểm giao hàng tại đâu? Bên Công ty ai là người trực tiếp giao hàng, bên ông Q ai là người trực tiếp nhận hàng? Việc giao nhận hàng có ký sổ sách theo dõi không? Khi nhận hàng có thanh toán 50% như thỏa thuận trong Hợp đồng đại lý không? Ai là người trực tiếp nhận hàng, ai là người trực tiếp nhận tiền (người đại diện Công ty xác định việc thanh toán tiền của ông Q là thanh toán trực tiếp cho anh T nhận, việc nhận này có làm hóa đơn giao cho ông Q 01 bản và Công ty giữ lại 01 bản

(bút lục 578), tuy nhiên Công ty không cung cấp được biên bản thanh toán, nhận tiền)? việc giao nhận tiền có ai chứng kiến không? Và người đại diện theo ủy quyền của Công ty (bút lục 243, 578) xác định do tin tưởng lẫn nhau nên Công ty và ông Q chưa lần nào đối chiếu công nợ.

[7] Bên cạnh đó, người đại diện Công ty xác định (bút lục 312) theo Hợp đồng thì ông Q phải trả liền 50% giá trị lô hàng nhận, được nợ 50% còn lại và trả vào đợt nhận hàng sau. Tuy nhiên, trên cơ sở chứng từ anh T nộp tiền vào Công ty thì có 07 lần anh Tính trực tiếp nhận tiền từ ông Q và 01 lần ông Văn Quốc B nhận thay anh T thì thấy rằng các bên đã không thực hiện thanh toán theo đúng thỏa thuận này. Công ty cũng xác định do chữ “tín” và tin tưởng đối tác nên Công ty vẫn giao hàng tiếp ở lô sau dù ông Q không chưa thanh toán 50% của lô hàng trước là không có cơ sở chấp nhận. Vì nếu ông Q không thanh toán ở lô hàng trước thì đã vi phạm hợp đồng đại lý Công ty có quyền ngưng cung cấp hàng và thu hồi các khoản công nợ còn tồn đọng theo thỏa thuận tại điểm c Điều 2 Hợp đồng đại lý ngày 16/6/2008 hoặc vì “chữ tín” và tin tưởng như Công ty trình bày thì đến khi giao lô hàng tiếp theo thì khi xuất hóa đơn Công ty phải cộng thêm phần nợ 50% của lô hàng trước đó chưa thanh toán hoặc có văn bản nhắc về việc ông Q phải thanh toán đầy đủ tiền của lô hàng trước thì mới giao hàng như thỏa thuận trong hợp đồng đại lý. Nhưng Công ty không thực hiện các biện pháp trên và Công ty cũng không chứng minh được ông Q vẫn còn nợ Công ty.

[8] Mặt khác, qua xác minh anh Huỳnh Văn H, anh H xác định việc giao dịch giữa Công ty và ông Trần Văn Q cụ thể như thế nào thì anh H không được rõ. Nhiệm vụ của anh H là thủ kho, khi Phòng Kinh doanh xuất hóa đơn bán hàng thì chuyển qua bộ phận của anh H và anh H có nghĩa vụ xuất kho. Từ trước đến nay anh H cũng chưa từng gặp mặt ông Q và cũng không biết ông Trần Văn Q, chỉ nghe nói lại là đại lý Ba Q. Còn việc giao dịch giữa Công ty và ông Q cụ thể như thế nào thì anh H không biết.

[9] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Công ty K không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới cũng như không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của Công ty là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty K.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tại Văn bản số 258/CV-THA ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 255) xác định Quyết định thi hành án số 144/QĐ-THA ngày 25/01/2011 hoàn dự nộp tạm ứng án phí cho Công ty số tiền 7.450.000 đồng. Như vậy, Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã hoàn lại số tiền nộp tạm ứng án phí cho Công ty K nên Công ty phải nộp toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm là 22.932.500 đồng. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về án phí phải nộp của Công ty K, để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về án phí, không chấp nhận kháng cáo của Công ty K là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[13] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty K phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39;, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty K, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K (trước đây là Công ty S) yêu cầu ông Trần Văn Q và bà Trần Thùy T trả số tiền 473.313.733 đồng (trong đó vốn gốc 261.499.300 đồng và lãi 211.814.433 đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty K (trước đây là Công ty S) phải nộp số tiền 22.932.500 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty K (trước đây là Công ty S) phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Công ty K (trước đây là Công ty S) đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012048 ngày 25/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, Công ty K (trước đây là Công ty S) còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang